

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẮNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21/9/2021

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẮNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Đinh Tuấn Anh.

+ Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXX- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Bị đơn: Anh Chu Văn T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn và quá trình xét xử, chị Chu Thị N là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Chu Văn T kết hôn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 10 năm 2009 tại UBND xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống và làm ăn tại thôn Y, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau gây mất đoàn kết trong gia đình, ảnh hưởng đến các con. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không đem lại kết quả, ngày càng trầm trọng hơn. Tháng 3/2021 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn Y, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam sống, vợ chồng chị sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với anh T.

Tại bản tự khai đề ngày 25/6/2021, anh Chu Văn T là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, mâu thuẫn của vợ chồng và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị N trình bày. Nay chị N ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Chu Thị N và anh Chu Văn T thống nhất trình bày, vợ chồng có 03 con chung là cháu Chu Thị Yên N, sinh ngày 23/12/2010; cháu Chu Thị Hồng N, sinh ngày 16/10/2013 và cháu Chu Tiến T, sinh ngày 13/11/2015. Khi ly hôn chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chu Thị Yên N. Anh T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung cho đến khi các cháu trưởng thành, lao động tự lập được, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung: Chị Chu Thị N và anh Chu Văn T tự thống nhất, thỏa thuận, giải quyết với nhau không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng, công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp, công nợ: Không có.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Chu Thị N. Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Chu Thị N và anh Chu Văn T. Về con chung: Giao cháu Chu Thị Yên N, sinh ngày 23/12/2010 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Giao cháu Chu Thị Hồng N, sinh ngày 16/10/2013 và cháu Chu Tiến T, sinh ngày 13/11/2015 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Chu Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Chu Văn T là bị đơn; địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều

39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân: Chị Chu Thị N và anh Chu Văn T kết hôn tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 10 năm 2009 tại UBND xã Đ , huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thôn Y , xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng chị N anh T không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không đem lại kết quả nên đến tháng 3/2021, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Qua các tài liệu xác minh, lời thừa nhận của đương sự thì mâu thuẫn của vợ chồng chị N, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N xin ly hôn anh T đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn là tự nguyện của các đương sự, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Chị Chu Thị N và anh Chu Văn T có 03 con chung là cháu Chu Thị Yến N, sinh ngày 23/12/2010; cháu Chu Thị Hồng N, sinh ngày 16/10/2013 và cháu Chu Tiến T, sinh ngày 13/11/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh T không tự thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn. Tại phiên toà chị N và anh T tự nguyện thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là giao cháu Chu Thị Yến N cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Giao cháu Chu Thị Hồng N và cháu Chu Tiến T cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản:

Tài sản chung: Không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết

Tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Chị N, anh T thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu một nửa án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà chị N xin chịu toàn bộ án phí ly hôn (Chị N xin chịu thay cho cả phần án phí của anh T) để được đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp được toà án chấp nhận.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 57;

Điều 58; Điều 81; Điều 82 ; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Chu Thị N và anh Chu Văn T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Giao cháu Chu Thị Yến N, sinh ngày 23/12/2010 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Giao cháu Chu Thị Hồng N, sinh ngày 16/10/2013 và cháu Chu Tiến T, sinh ngày 13/11/2015 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Chu Thị N chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Chị N xin chịu thay cả phần án phí ly hôn của anh T) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số **0004332 ngày 21/6/2021** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt

